



ANH: XUÂN TRƯỜNG

NHẬN DẠNG CHÍNH XÁC CÁC NGUỒN KIỀU HỐI ĐỂ CÓ GIẢI PHÁP PHÙ HỢP

PGS, TS. NGUYỄN ĐẮC HUNG

KIỀU HỐI LÀ MỘT NGUỒN THU NHẬP QUỐC DÂN, NGUỒN THU NHẬP QUAN TRỌNG CỦA NHIỀU GIA ĐÌNH, LÀ MỘT NGUỒN VỐN NGOẠI TỆ QUAN TRỌNG ĐẢM BẢO CÂN CÂN THANH TOÁN, GÓP PHẦN ĐÁNG KẾ VÀO THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA MỘT QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN NHƯ VIỆT NAM. TRONG XU HƯỚNG HỘI NHẬP VÀ TOÀN CẦU HÓA VỀ KINH TẾ ĐANG ĐIỂN RA MẠNH MẼ HIỆN NAY, VIỆC NHẬN DẠNG CHÍNH XÁC CÁC NGUỒN KIỀU HỐI ĐỂ CÓ GIẢI PHÁP PHÙ HỢP LÀ VÔ CÙNG QUAN TRỌNG.

Quan niệm về kiều hối

Trong thực tế, có nhiều khái niệm về kiều hối, chẳng hạn theo Ngân hàng Thế giới: *"Kiều hối bao gồm các khoản tiền chuyển từ nước ngoài có nguồn gốc là thu nhập của người lao động, dân di cư ở nước ngoài, được thể hiện trong cán cân thanh toán quốc tế là khoản chuyển tiền (ròng)".* Còn hiểu theo cách đơn giản nhất thì *"Kiều hối là sự di chuyển tiền bạc từ những người đang sống và lao động ở nước ngoài đến thân nhân của họ ở quê hương"*. Như vậy, với cả hai khái niệm nói trên, các khoản tiền của cá nhân gửi từ nước ngoài về cho gia đình, người thân ở trong nước đều được coi là kiều hối.

Kết quả nghiên cứu tổng quan thực trạng nguồn kiều hối

Theo quan niệm nói trên, khái quát lại có 3 đối tượng chính người Việt Nam ở nước ngoài và các kênh kiều hối như sau:

Việt Kiều

Ước tính, cho đến hiện nay Việt Nam có khoảng 4,5 triệu người đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, trong đó có khoảng 3 triệu người được coi là Việt kiều, chủ yếu tập trung ở một số nước phát triển có thu nhập bình quân đầu người cao như ở Mỹ khoảng 1,5 triệu người, ở Pháp khoảng 350.000 người, ở Canada khoảng 200.000 người, ở Úc khoảng 250.000 người. Ngoài ra, số còn lại ở rải rác khắp các nước khác trên thế giới.

Bên cạnh mục đích gửi tiền về để trợ giúp cho người thân ở quê hương hay trực tiếp mang về khi trở lại thăm quê hương, có một bộ phận nhỏ đem tiền về đầu tư tại quê hương. Tuy nhiên việc này còn phụ thuộc vào chính sách lãi suất, diễn biến thị trường ngoại tệ và các quy định về quản lý ngoại hối, sự phát triển của thị trường chứng khoán, tiến trình cổ phần hóa: quy mô phát triển thị trường bất động sản, khách sạn, cơ sở du lịch, nhà hàng,... ở trong nước. Tiền chuyển về nước nhiều, nhưng cũng có một số khoản nhất định chuyển trở lại nước ngoài nơi họ định cư bằng nhiều cách khác nhau khi thu hồi vốn đầu tư, chuyển thu nhập, rút vốn đầu tư,... Trong một số thời

điểm, lãi suất tiền gửi ngoại tệ tại Việt Nam lên tới 4-6%/năm, hay lãi suất tiền gửi VND lên tới 9%-16%/năm, nhiều khoản tiền của Việt kiều đã được chuyển về nước để gửi ngân hàng thương mại hưởng lãi cao, do chênh lệch lớn so với gửi tại ngân hàng ở nước ngoài.

Người Việt Nam sinh sống và làm ăn ở nước ngoài

Từ cuối thập niên 70 và trong thập niên 80, số lượng người Việt Nam đi ra nước ngoài tiếp tục tăng lên, qua con đường đi hợp tác xuất khẩu lao động, đi học tập tại các nước Xã hội chủ nghĩa trước đây sau đó, do những biến động về chính trị, lịch sử ở lại làm ăn, sinh sống ở nước ngoài, thích nghi dần với môi trường kinh doanh, môi trường pháp lý, phong tục tập quán ở nước sở tại, nhiều người trở thành những chủ doanh nghiệp lớn.

Những người này vẫn thường xuyên gửi tiền về nước, nhưng với mục đích trợ giúp người thân không nhiều mà tính chất đầu tư, di chuyển tài sản, kinh doanh có xu hướng tăng lên và nổi trội hơn. Dòng tiền này một mặt phụ thuộc vào thu nhập, vào kết quả kinh doanh, môi trường đầu tư, môi trường sinh sống của họ ở nước ngoài; mặt khác phụ thuộc vào các chính sách và diễn biến các thị

trường ở Việt Nam. Trong các năm 2002 đến 2010, nhiều khoản tiền lớn của những người Việt Nam tại nước ngoài thuộc dạng này được chuyển về để đầu tư các dự án lớn về bất động sản, cổ phần hóa DNNN, mua cổ phần trong các NHTM và công ty cổ phần, mua cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, đầu tư trên thị trường tiền gửi NHTM....

Người đi xuất khẩu lao động và làm việc ở nước ngoài

Từ khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa và hội nhập, tham gia các Hiệp định, cam kết quốc tế, số lượng người Việt Nam đi xuất khẩu lao động, học tập, làm việc tại nước ngoài, xây dựng gia đình với người nước ngoài không ngừng tăng lên. Nếu như các năm 2008 - 2010, mỗi năm chỉ có khoảng 50.000 - 60.000 người đi xuất khẩu lao động chính thức, thì trong các năm 2013-2014, đã tăng lên khoảng 70.000 - 80.000 người. Năm 2015, Việt Nam đã đưa được hơn 100.000 người đi xuất khẩu lao động, vượt chỉ tiêu đề ra 15%. Dự kiến trong năm 2016, khả năng vượt con số này khoảng 30%. Bên cạnh đó còn số người tự đi làm việc không thống kê được. Một điều quan trọng nữa là cơ cấu người đi xuất khẩu lao động tại các thị trường mới, thị trường có thu nhập cao và ổn định có xu hướng tăng

lên. Tương tự, những người đi du học sau đó tìm được việc làm tại nước ngoài cũng ngày càng tăng. Đây là nguồn tiền của người Việt Nam ở nước ngoài chuyển về nước lớn nhất và đang có xu hướng tăng cao.

Phân tích chính sách và đề xuất giải pháp phù hợp

Một là, về chính sách tài chính - tiền tệ và dịch vụ ngân hàng

Về chính sách lãi suất, như phân trên đã đề cập, trong giai đoạn lãi suất tiền gửi ngoại tệ và tiền gửi VND ở Việt Nam lên cao, có khoản tiền không nhỏ ở nước ngoài được chuyển về đầu tư trên thị trường tiền gửi ngân hàng trong nước. Không có con số thống kê chính xác, nhưng đây là số tiền không nhỏ. Về nguyên tắc, tiền chuyển về sau đó bằng nhiều cách khác nhau, có một tỷ trọng đáng kể được chuyển lại nước ngoài, hay để lại Việt Nam để đầu tư, mua tài sản. Hiện nay Chính phủ Việt Nam kiên định mục tiêu chống đô la hóa nền kinh tế, lãi suất tiền gửi USD bằng không (0%), đồng thời lãi suất tiền gửi VND đang đi dần vào thế ổn định, do đó lượng kiều hối qua kênh này có xu hướng giảm mạnh.

Về chính sách tỷ giá, mục tiêu điều hành của NHNN là ổn định tỷ giá, nâng cao vị thế VND. Tỷ giá VND/USD trong 3 năm gần đây chỉ tăng 1-2%/năm và dự báo trong một số năm tới cũng vẫn nằm trong biên độ đó. Bởi vậy cũng không thể kỳ vọng vào chính sách tỷ giá để thu hút kiều hối.

Về chính sách tài chính và dịch vụ ngân hàng, người nhận kiều hối không phải nộp thuế thu nhập, người gửi chuyển cho loại ngoại tệ nào, người nhận được nhận loại ngoại tệ đó, không bắt buộc phải bán cho NHTM. Bên cạnh đó, các NHTM đang cạnh tranh mạnh mẽ với nhau để mở rộng dịch vụ kiều hối. Nhiều NHTM còn có dịch vụ chuyển kiều hối cho người nhận tại địa chỉ gia đình, tại nhà....

Do đó, dư địa để điều chỉnh chính sách tài chính - tiền tệ nhằm



Kiều hối góp phần đáng kể vào thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia đang phát triển như Việt Nam

khuyến khích kiều hối không còn nhiều.

Hai là, về chính sách cổ phần hóa và thị trường chứng khoán

Đây là chính sách quan trọng góp phần thu hút nguồn tiền của người Việt Nam ở nước ngoài nói riêng, vốn đầu tư nước ngoài và vốn tư nhân nói chung. Theo đó, Chính phủ cần tiếp tục đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa DNNN, giảm tỷ trọng sở hữu của nhà nước trong các doanh nghiệp đã cổ phần hóa, kể cả tại 3 NHTM NN đã được cổ phần hóa; đảm bảo sự phát triển minh bạch của thị trường chứng khoán, xử lý thật nghiêm những hành vi cố ý vi phạm, thao túng, trục lợi trên thị trường này.

Ba là, chính sách phát triển thị trường bất động sản

Như phần trên đã đề cập, thị trường này thu hút một nguồn tiền đáng kể của người Việt Nam ở nước ngoài. Tuy nhiên, mục tiêu chung về điều hành vĩ mô của Chính phủ cần phải đạt được đó là đảm bảo sự phát triển ổn định, lành mạnh của thị trường bất động sản, hạn chế tình trạng đầu cơ, tránh để tình trạng giá bong bóng bất động sản tăng cao. Bởi vậy, các chính sách có liên quan của Chính phủ cần phải theo hướng đó, tạo điều kiện thu hút mọi nguồn vốn đầu tư, kể cả nguồn tiền của người Việt Nam ở nước ngoài.

Bốn là, chính sách xuất khẩu lao động gắn liền với đổi mới chính sách giáo dục và đào tạo

Hai chính sách này có quan hệ mật thiết với nhau, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để hội nhập ngày càng sâu rộng hơn vào thị trường lao động quốc tế, nhưng mỗi chính sách cũng có những mục tiêu cụ thể.

Chính sách xuất khẩu lao động cần có sự vào cuộc đồng bộ từ Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động thương binh và xã hội,... trong các đàm phán, khai thông quan hệ ngoại giao, nội dung hợp tác trong các hiệp định song phương và đa phương, trong các hoạt động xúc tiến phát triển thị

trường lao động. Cùng với đó là các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường xuất khẩu lao động mới, khai thông những lực cản tại các thị trường truyền thống; cũng như các biện pháp khác bảo vệ quyền lợi người lao động. Các chính sách và biện pháp của Chính phủ cũng cần khuyến khích người Việt Nam đi làm việc, làm ăn ở nước ngoài, thực hiện tốt các chính sách bảo hộ công dân ở nước ngoài.

Bên cạnh đó, mở rộng chính sách tín dụng ưu đãi dành cho người đi xuất khẩu lao động. Chính phủ cần gia tăng quy mô và hàng năm chủ động bố trí riêng nguồn vốn cho người lao động vay để đi xuất khẩu lao động nước ngoài tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, bao gồm cả cả tiền vay đi học tiếng, học nghề, tiền đặt cọc; tăng mức được vay, tăng thời hạn vay và linh hoạt trong xử lý rủi ro tín dụng lĩnh vực này.

Chính sách giáo dục và đào tạo cần đổi mới và nâng cao chất lượng một cách đồng bộ, từ giáo dục phổ thông, dạy nghề, đào tạo đại học và các vấn đề khác có liên quan. Theo hướng đó, cần mở rộng và nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh, một số ngoại ngữ khác, công nghệ thông tin, dạy nghề và đào tạo nghề, ý thức lao động công nghiệp...

Chính phủ cần tập trung các chương trình, dự án có tính chất đào tạo nghề có tính chất ưu đãi... để mở rộng tín dụng xuất khẩu lao động và tín dụng sinh viên.

Hiện nay, có một số chương trình, dự án đầu tư vốn từ Ngân sách nhà nước không có tính chất hoàn lại, bố trí qua Bộ Lao động thương binh và xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...việc này cần được giảm thiểu, chuyển qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay tín dụng ưu đãi, có thể lãi suất thấp hơn, thời gian dài hơn, cơ chế xử lý rủi ro linh hoạt hơn,...cho mục tiêu đào tạo nghề, cho xuất khẩu lao động, cho tín dụng sinh viên, như

vậy sẽ có hiệu quả hơn và giảm thiểu tiêu cực.

Kế hoạch vốn ngân sách đầu tư cho chương trình dạy nghề nông thôn cần được đánh giá tính hiệu quả một cách toàn diện, trên cơ sở đó chuyển hướng một phần kinh phí tạo nguồn vốn cho NHCSXH để mở rộng cho vay đối tượng chính sách xã hội cả nông thôn và thành thị. Chính phủ cần đánh giá sát hiệu quả của chương trình này để có những điều chỉnh, theo hướng phát triển của thị trường lao động trong xu hướng hội nhập.

Ngân sách nhà nước nên chủ động bố trí nguồn vốn cho NHCSXH Việt Nam, với mức tăng trưởng ít nhất là 15 - 20% để mở rộng quy mô cho vay các chương trình tín dụng hiện nay, đặc biệt kênh tín dụng hộ cận nghèo, cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; nâng mức cho vay hộ nghèo, hộ đi xuất khẩu lao động, tín dụng sinh viên hộ mới thoát nghèo, hộ vùng thiên tai...

Chính phủ, các bộ ngành liên quan cần hướng vốn tài trợ quốc tế, vốn ODA... thông qua NHCSXH để chuyển tài vốn đến các đối tượng gia đình chính sách. Để đạt được hiệu quả, cần tăng cường khâu vận động, thuyết phục, tuyên truyền... để các nhà tài trợ hiểu, tin tưởng mô hình mới, cách làm sáng tạo riêng có của Đảng và Chính phủ Việt Nam.

Kết luận

Hội nhập quốc tế về thị trường lao động là một lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế hết sức quan trọng. Việt Nam cần chủ động nắm bắt cơ hội, tham gia cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường này. Các chính sách cần phải được đánh giá từ thực tiễn, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, được triển khai đồng bộ và có trách nhiệm của các bộ ngành có liên quan

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- www.sbv.gov.vn
- www.molisa.gov.vn
- www.dolab.gov.vn
- www.mofahcm.gov.vn
- Một số nguồn khác